

Bản án số: 05/2022/KDTM-PT
Ngày 26 - 7 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
phân phối hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông
Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2022/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp hợp đồng phân phối hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn G. Địa chỉ: Số 1, đường 6A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hải Văn – Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phí Thị H, sinh năm 1987 và bà Lê Lê Thanh T, sinh năm 1995. Địa chỉ liên hệ: Phòng 2002, Tầng 20, Tòa nhà Centec, 72-74, Nguyễn Thị Minh K, phường Võ Thị S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà H có mặt, bà Trà vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Hoàng T, sinh năm 1992 và bà Dương Thị Cẩm C, sinh năm 1993 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Dentons Luật Việt. Địa chỉ liên hệ: Phòng 2002, Tầng 20, Tòa nhà Centec, 72-74, Nguyễn Thị Minh K, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà C có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Số 2/504, ấp K, xã V, Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Anh: Ông Nguyễn Duy S – Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên T. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn G và bị đơn ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Lê Thanh T trình bày:

Ngày 02/01/2020 Công ty Trách nhiệm hữu hạn G (gọi tắt là Công ty) và ông Triệu Thế A - Chủ hộ kinh doanh T có ký kết hợp đồng phân phối thức ăn tôm số 01 GR, LD, VI, BE-GLF/BAL 2020, Hợp đồng phân phối sản phẩm lập lại và sửa đổi số 10015802-LF/BAL 1_01.2021 ngày 01/11/2020 cùng các phụ lục đính kèm. Theo đó, công ty đồng ý giao cho ông Thế A làm nhà phân phối cấp I để phân phối sản phẩm thức ăn tôm nhãn hiệu Grobest Group No.0, Grobest Group No.1S, Vannamei No.0, Vannamei No.1S, Leader Vanamei, Vista Eco, The Best, Vista Sú, Grobest của G.

Theo quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng năm 2021 và Phụ lục 4 kèm theo Hợp đồng 2021 quy định: Bên B (ông Thế A) sẽ thanh toán toàn bộ sản phẩm theo mỗi đơn đặt hàng ngay trước khi sản phẩm được giao. Điều 4.2.a của Hợp đồng năm 2021 quy định: Địa điểm giao hàng tại kho Biên Hòa, địa chỉ số 1, đường 6A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc kho của G tại Bạc Liêu.

Ngày 29/12/2020 ông Thế A có thư cam kết sẽ thanh toán đúng hạn, trong trường hợp không thực hiện thì Công ty được quyền xử lý toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của ông Thế A để thanh toán cho khoản nợ tiền hàng theo hợp đồng.

Ngày 31/3/2021 Grobest và ông Thế A ký kết bảng đối chiếu công nợ, theo đó ông Thế A xác nhận tổng số nợ đối với G tính đến ngày 31/3/2021 là 24.842.407.019 đồng. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu ông Thế A thanh toán nợ dứt điểm khoản nợ nêu trên nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Nay Công ty yêu cầu ông Thế A trả số tiền nợ gốc là 24.842.407.019 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/4/2021 đến ngày 24/01/2022 với mức lãi suất 16%/năm là 3.245.167.032 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 1.987.392.562 đồng, tổng số tiền yêu cầu ông Thế A trả tính đến ngày 24/01/2022 là 30.074.966.612 đồng.

**** Bị đơn ông Triệu Thế A trình bày:***

Ông thống nhất thời điểm ký hợp đồng và ký xác nhận đối chiếu công nợ với công ty Grobest như công ty trình bày. Từ ngày 30/3/2021 Công ty không thực hiện cung cấp sản phẩm theo đơn đặt hàng cho ông nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng tại Điều 6.1 Hợp đồng lập lại và Công ty không điều chỉnh tiền chiết

khẩu thương mại vào công nợ mua sản phẩm cho T. Mặt khác, Công ty còn bán trực tiếp sản phẩm vào các đại lý cấp dưới của T dẫn đến gây thiệt hại cho T. Nay ông không đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi và phạt vi phạm hợp đồng theo yêu cầu của công ty.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật thương mại; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G đối với ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T. Buộc ông Triệu Thế A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn G số tiền mua hàng hóa còn nợ theo hợp đồng phân phối thức ăn tôm số 01 GR, LD, VI, BE-GLF/BAL 2020, Hợp đồng phân phối sản phẩm lặp lại và sửa đổi số 10015802-LF/BAL 1_01.2021 ngày 01/11/2020 cùng các phụ lục đính kèm tổng cộng là 28.087.574.050 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm năm mươi đồng*) bao gồm các khoản sau:

Nợ gốc: 24. 842.407.019 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, không trăm mười chín đồng*).

Nợ lãi: 3.245.167.032 đồng. (*Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi hai đồng*).

2. Kể từ ngày 25/01/2022 ông Triệu Thế A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G buộc ông Triệu Thế A thanh toán tiền phạt vi phạm 1.987.392.562 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022, ông Triệu Thế A - Chủ hộ kinh doanh T kháng cáo yêu cầu xem xét việc cản trở chiết khấu thương mại theo thỏa thuận hợp đồng và thông lệ hợp tác giữa nguyên đơn và bị đơn vào số tiền nợ gốc, đưa các đại lý cấp 2 của bị đơn tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn được quyền phản tố yêu cầu nguyên đơn bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ giao hàng và đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn G kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty buộc ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T phải thanh toán tiền phạt vi phạm là 1.987.392.562 đồng. Đồng thời kiến nghị chuyên hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra cấp có thẩm quyền để yêu cầu làm rõ về hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của ông Triệu Thế A. Xem xét áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa các tài sản là quyền sử dụng đất của ông Triệu Thế A theo công văn số 376/CNVPPĐKĐĐT/PBL ngày 09/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, Công ty Trách nhiệm hữu hạn G rút lại yêu cầu kháng cáo xem xét áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa các tài sản” là quyền sử dụng đất của ông Triệu Thế A và yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra cấp có thẩm quyền để yêu cầu làm rõ về hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G vẫn giữ nguyên yêu cầu rút lại một phần yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Theo quy định tại điều 3.1 của hợp đồng về điều khoản và điều kiện thanh toán thì ông Triệu Thế A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phạt vi phạm là không đúng. Tại điều 9.2 của Hợp đồng có ghi nêu vi phạm hợp đồng thì phải chịu phạt vi phạm, điều này phù hợp với Luật Thương mại và phù hợp với Án lệ số 09, cụ thể là phải chịu tiền lãi và phạt hợp đồng. Án sơ thẩm nhận định Công ty Grobest đã chấp nhận cho ông Triệu Thế A nhiều lần thanh toán chậm nên không có việc vi phạm là nhận định không khách quan. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của công ty Grobest, buộc ông Triệu Thế A thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng 1.987.392.562 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G và ông Triệu Thế A nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự, xét thấy:

[3.1] Các đương sự thống nhất giữa ông Triệu Thế A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn G đã ký kết hợp đồng phân phối thức ăn tôm số 01 GR, LD, VI, BE-GLF/BAL 2020, Hợp đồng phân phối sản phẩm lập lại và sửa đổi số 10015802-LF/BAL 1_01.2021 ngày 01/11/2020 cùng các phụ lục đính kèm. Nội dung thỏa thuận thể hiện Công ty đồng ý giao cho ông Triệu Thế A làm nhà phân phối cấp I để phân phối sản phẩm thức ăn tôm nhãn hiệu Grobest Group No.0, Grobest Group No.1S, Vannamei No.0, Vannamei No.1S, Leader Vanamei, Vista Eco, The Best, Vista Sú, Grobest của G. Theo bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/3/2021 đến ngày 31/3/2021, ông Thế A xác nhận khoản nợ đối với Công ty là 24.842.407.019 đồng. Tuy nhiên, từ khi đối chiếu công nợ đến khi phát sinh tranh chấp, ông Triệu Thế A chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn G, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Triệu Thế A phải thanh toán nợ gốc 24.842.407.019 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 3.245.167.032 đồng là có căn cứ.

[3.2] Xét kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G yêu cầu ông Triệu Thế A có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm với số tiền 1.987.392.562 đồng. Công ty Trách nhiệm hữu hạn G xác định phía ông Thế A chỉ vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền mua hàng và không còn vi phạm nào khác đối với hợp đồng đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng và Điều 1 của Phụ lục 4 “*Bên B sẽ thanh toán toàn bộ cho sản phẩm theo mỗi đơn đặt hàng ngay trước khi sản phẩm được giao*”. Mặc dù giữa Công ty và ông Triệu Thế A thỏa thuận ông Triệu Thế A sẽ thanh toán tiền hàng cho Công ty theo mỗi đơn đặt hàng ngay trước khi sản phẩm được giao. Tuy nhiên, nhiều lần Công ty giao hàng cho ông Triệu Thế A, ông Anh không thanh toán tiền hàng đúng thời gian thỏa thuận nhưng Công ty vẫn tiếp tục giao hàng cho ông Anh. Đến ngày 31/3/2021, hai bên mới tiến hành đối chiếu công nợ đều xác định không có việc phạt vi phạm. Ngoài ra, theo khoản 3.4 Điều 3 của Hợp đồng phân phối sản phẩm lập lại và sửa đổi hai bên thống nhất “*Nếu quá thời hạn thanh toán quy định mà Bên B vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho Bên A thì Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại trụ sở chính của Bên A được công bố tại thời điểm thanh toán*”. Thỏa thuận này phù hợp quy định tại Điều 306 Luật Thương mại, vì vậy việc thỏa thuận của các bên phù hợp quy định pháp luật. Do đó, việc Công ty cho rằng ông Triệu Thế A vi phạm thời hạn thanh toán tiền hàng quy định trong hợp đồng nên phải chịu phạt vi phạm là chưa có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Xét kháng cáo của ông Triệu Thế A yêu cầu đòi trừ tiền chiết khấu, Hội đồng xét xử xét thấy khi ông Triệu Thế A ký xác nhận đối chiếu công nợ với

Công ty, ông Anh đã xác nhận dư nợ là 24.842.407.019, không có ý kiến nào thể hiện số dư nợ này chưa đối trừ tiền chiết khấu. Ngoài ra, ông Triệu Thế A kháng cáo yêu cầu đưa các đại lý cấp 2 của Hộ kinh doanh T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, thỏa thuận theo hợp đồng giữa ông Triệu Thế A và Công ty không có điều khoản nào thể hiện Công ty không được phân phối hàng hóa cho đại lý cấp 2 của Hộ kinh doanh T. Hơn nữa, theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu của ông Triệu Thế A phải đưa ra trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, ông Triệu Thế A không có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu đối trừ tiền chiết khấu cũng như yêu cầu Công ty bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ giao hàng và đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ, ông Triệu Thế A cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, Tòa cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét yêu cầu của ông Triệu Thế A ở nội dung này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G và của ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố B.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, được giữ nguyên.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn G và ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G và kháng cáo của ông Triệu Thế A. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 300, Điều 301, Điều 306 Luật thương mại; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G đối với ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T. Buộc ông Triệu Thế A có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn G số tiền mua hàng hóa còn nợ

theo hợp đồng phân phối thức ăn tôm số 01 GR, LD, VI, BE-GLF/BAL 2020, Hợp đồng phân phối sản phẩm lặp lại và sửa đổi số 10015802-LF/BAL 1_01.2021 ngày 01/11/2020 cùng các phụ lục đính kèm tổng cộng là 28.087.574.050 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm năm mươi đồng) bao gồm các khoản sau: Nợ gốc: 24.842.407.019 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm lẻ bảy nghìn, không trăm mười chín đồng). Nợ lãi: 3.245.167.032 đồng. (Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi hai đồng) và tiền phạt vi phạm 1.987.392.562 đồng (Một tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm sáu mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2022, ông Triệu Thế A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G buộc ông Triệu Thế A thanh toán tiền phạt vi phạm 1.987.392.562 đồng.

4. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn G về yêu cầu xem xét áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa các tài sản” là quyền sử dụng đất của ông Triệu Thế A và yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra cấp có thẩm quyền để yêu cầu làm rõ về hành vi phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, do Công ty Trách nhiệm hữu hạn G rút kháng cáo.

5. Về án phí:

5.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải chịu số tiền 71.621.776 đồng (Bảy mươi một triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng). Công ty Trách nhiệm hữu hạn G đã nộp 67.742.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0006940 ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B, nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải nộp thêm số tiền 3.879.776 đồng (Ba triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Triệu Thế A – Chủ hộ kinh doanh T phải chịu số tiền 136.087.574 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn G phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Công ty đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số 0007341 ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B được chuyển thu.

Ông Triệu Thế A – chủ hộ kinh doanh T phải chịu 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Ông Triệu Thế A đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng số 0007317 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố B được chuyển thu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND Thành phố B;
- CCTHADS Thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều